

Số: /TTr-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Thông báo số 450/TB-VPCP ngày 31/12/2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo Chính phủ những vấn đề cơ bản của dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Về căn cứ pháp lý

Ngày 17/6/2020, tại Kỳ họp thứ 9 Khóa 14, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua Luật Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, trong đó có bổ sung ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện “Đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá”, do đó Chính phủ cần quy định chi tiết điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá để bảo đảm tính pháp lý và thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

Ngày 01/01/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 02/NQ-CP về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025 nên cần tiến hành rà soát các thủ tục hành chính đã được quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 26/2019/NĐ-CP) để đơn giản hóa nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ngày 20/01/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 12/2020/NĐ-CP về ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và

khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Tại Điều 1 của Nghị định số 12/2020/NĐ-CP đã quy định “*Ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản cho đến khi sửa đổi các quy định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ*”. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi các chính sách cho lực lượng Kiểm ngư phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW.

2. Về yêu cầu thực tiễn

Sau gần 03 năm triển khai thực hiện Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, các quy định tại Nghị định đã và đang được triển khai trên thực tiễn, tạo khung pháp lý quan trọng trong quản lý nhà nước về thủy sản, góp phần thúc đẩy hoạt động trong lĩnh vực thủy sản theo hướng có trách nhiệm nhằm phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững.

Tuy nhiên, để thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, khắc phục một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định; quy định chi tiết một số nội dung được giao tại Luật Đầu tư và đặc biệt đáp ứng yêu cầu mới trong hội nhập quốc tế, cần rà soát điều chỉnh, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, cụ thể như:

- Bổ sung một số thuật ngữ để bảo đảm cách hiểu thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện (Giống gốc thủy sản, cảng cá động lực, cơ sở hạ tầng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, sơ chế, chế biến thủy sản, khai thác thủy sản giải trí...);

- Đơn giản hóa một số thủ tục hành chính: Cấp mã số ao nuôi; đăng ký lồng, bè nuôi trồng thủy sản; công bố đóng, mở cảng cá...;

- Bổ sung quy định về: (i) điều kiện đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá; (ii) quản lý hoạt động khai thác không chú ý đối với loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm; (iii) quản lý hoạt động khai thác để không làm ảnh hưởng đến thú biển; (iv) giám sát viên trên tàu cá của Việt Nam để đảm bảo hoạt động khai tại một số nghề được đánh giá có ảnh hưởng đến thú biển; (v) một số quy định chuyên tiếp....

- Sửa đổi quy định về: (i) quản lý hệ thống giám sát tàu cá; (ii) quy định đối với chế độ của lực lượng Kiểm ngư; (iii) các biểu mẫu kèm theo Nghị định nhằm đơn giản hóa các trường thông tin hoặc yêu cầu đối với người dân, doanh nghiệp....

Xuất phát từ những lý do trên, việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Việc xây dựng dự thảo Nghị định này nhằm điều chỉnh những nội dung bất cập, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với hệ thống pháp luật khác và tiếp tục thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa theo tinh thần cải cách hành chính và tạo khung pháp lý để triển khai Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045 và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng

Thứ nhất, sửa đổi văn bản theo đúng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng; phù hợp với Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thứ hai, bảo đảm tính phù hợp, thống nhất, đồng bộ với Luật Thủy sản và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

Thứ ba, đáp ứng yêu cầu về cải cách hành chính theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hội nhập quốc tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định hướng dẫn thi hành, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập gồm đại diện của nhiều Bộ, ban, ngành liên quan (*Quyết định 1520/QĐ-BNN-TCCB ngày 27/4/2020 và Quyết định 1328/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

2. Tổ chức sơ kết, đánh giá sau 03 năm triển khai, thực hiện quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, qua đó đề xuất những hạn chế, bất cập và kiến nghị sửa đổi (*Báo cáo số 7820/BC-BNN-TCTS ngày 19/11/2021*).

3. Xây dựng dự thảo và tổ chức các cuộc họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để góp ý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

4. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định (*Báo cáo số 7819/BC-BNN-TCTS ngày 19/11/2021*); Thực hiện đánh giá tác động của của chính sách trong dự thảo Nghị định (*Báo cáo số 7821/BC-BNN-TCTS ngày 19/11/2021*); Đánh giá tác động của các thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định.

5. Lấy ý kiến góp ý về dự thảo Nghị định: Đăng tải Dự thảo Nghị định lấy ý kiến rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ để lấy ý kiến tổ chức, cá nhân; gửi lấy ý kiến góp ý bằng văn bản

của Bộ, ngành, địa phương, tổ chức liên quan (Công văn số 4533/BNN-TCTS ngày 20/7/2021); gửi lấy ý kiến của Ủy ban Châu Âu về nội dung liên quan đến khuyến nghị của EC.

6. Hoàn thiện hồ sơ và gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Thực hiện xây dựng bố cục của dự thảo Nghị định theo đúng Mẫu số 28 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP gồm có 05 điều, cụ thể như sau:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản

Điều 3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển

Điều 4. Điều khoản thi hành

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện”.

2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị định

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản:

a) Bổ sung giải thích một số từ ngữ vào Điều 3 để thống nhất cách hiểu một số cụm từ trong Nghị định số 26/2019/NĐ-CP: (1) Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; (2) Cơ sở dịch vụ hậu cần khu tránh trú bão cho tàu cá; (3) Luồng vào khu tránh trú bão; (4) Dịch vụ hậu cần khai thác thủy sản; (5) Giồng gốc thủy sản; (5) Chế biến thủy sản; (6) Sơ chế thủy sản; (7) Khai thác thủy sản giải trí; (8) Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá ...

b) Nội dung liên quan đến bảo tồn và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 8: theo hướng bổ sung cụm từ “*thuộc Nhóm I, Nhóm II không đáp ứng điều kiện*” để thống nhất với các quy định về loài nguy cấp, quý, hiếm (khoản 3) và quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nghiên cứu tạo giống ban đầu (khoản 4).

- Bổ sung vào khoản 9 Điều 8 quy định về “*khai thác không chủ ý loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm trong quá trình khai thác thủy sản*” để quản lý thống nhất theo quy định của quốc tế về khai thác loài không chủ ý.

- Bổ sung điểm d, đ và e vào khoản 1 Điều 10 theo hướng bổ sung các hoạt động được thực hiện trong phân khu của khu bảo tồn biển để phù hợp với thực tế và bảo đảm yêu cầu quản lý:

“d) Tuân tra, kiểm soát xử lý các hoạt động vi phạm;

đ) Thực hiện các hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường, khảo cổ học;

e) Xử lý sự cố trên biển, cứu hộ động vật hoang dã”.

- Sửa đổi điểm a, e và bổ sung điểm h vào khoản 1 Điều 11: Để quy định rõ về quyền và trách nhiệm của ban quản lý khu bảo tồn biển

“a) Thực hiện điều tra, khảo sát, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế về bảo tồn biển trong phạm vi quản lý;”

“e) Kinh doanh, liên kết trong lĩnh vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học, phục hồi, tái tạo các loài động vật, thực vật thủy sinh, hệ sinh thái tự nhiên trên biển và các hoạt động dịch vụ khác trong khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật”.

“h) Tổ chức quản lý các hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong Khu bảo tồn biển.”

- Sửa đổi khoản 3 Điều 12: Theo hướng bỏ “*liên kết*” và rõ nội dung quyền của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển.

- Sửa đổi điểm d khoản 1, đ khoản 2 và bổ sung điểm e, g khoản 2 Điều 13: Để quy định rõ nội dung nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khu bảo tồn biển.

c) Nội dung liên quan đến nuôi trồng thủy sản

- Sửa đổi khoản 7 Điều 21 như sau: Sửa “*7. Khi phát hiện cơ sở vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*” thành như sau “*7. Khi phát hiện cơ sở vi phạm một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 25 Luật Thủy sản, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm và ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và công khai theo quy định*”. Do

quy định “*thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng*” không rõ phạm vi, hoạt động thực hiện, chỉ nên quy định công khai theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

- Bổ sung khoản 8, khoản 9 vào Điều 21 về quy định quản lý “*Cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản khi tham gia một, một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản do cơ sở khác công bố tiêu chuẩn áp dụng*” do thực tế có trường hợp này nhưng trong Nghị định số 26/2019/NĐ-CP chưa có quy định.

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 22: Theo hướng đề cương *được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*, để rõ ràng cho tổ chức, cá nhân dễ áp dụng.

- Sửa đổi điểm b khoản 7 Điều 26: Theo hướng sửa “*b) Đối với giống thủy sản chưa có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam, sau khi ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổng cục Thủy sản tham mưu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Chính phủ bổ sung vào Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam*” thành như sau: “*b) Sau khi ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản, Tổng cục Thủy sản thông báo công khai quyết định công nhận trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*”. Để tạo điều kiện cho giống thủy sản đã được khảo nghiệm xong sẽ đưa vào sản xuất, kinh doanh ngay và nội dung Phụ lục VIII về danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam đã quy định các loài thủy sản đã qua khảo nghiệm sẽ được sản xuất, kinh doanh ngay sau khi có kết quả khảo nghiệm đạt yêu cầu.

- Bổ sung Điều 26a quy định về “*thực hiện nhiệm vụ công ích trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, tập trung về sản xuất, lưu giữ và cung ứng giống gốc giống thủy sản*”: Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, điều kiện đặt hàng sản xuất, cung ứng giống gốc giống thủy sản phải đáp ứng đồng thời 03 điều kiện. Tuy nhiên, quy định về điều kiện đặt hàng tại điểm b khoản 1 Điều 17 “*Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích có tính đặc thù do liên quan đến sở hữu trí tuệ hoặc chỉ có một nhà cung cấp đăng ký thực hiện*” không thực hiện được trong lĩnh vực thủy sản (do có nhiều yếu tố đặc thù, chuyên ngành). Mặt khác, theo khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP đối với trường hợp “*đặc thù*” hoặc “*pháp luật chuyên ngành quy định*” thì sẽ thực hiện theo quy định tại pháp luật chuyên ngành hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Vì vậy, để thực hiện được cơ chế đặt hàng giống gốc giống thủy sản, dự thảo Nghị định đã bổ sung Điều 26a quy định về cơ chế đặc thù, chuyên ngành; nội dung đã được Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng chỉ đạo tại thông báo số 38/VPCP-NN ngày 05/01/2021 về việc sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc, gốc thủy sản theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bổ sung khoản 4 vào Điều 27 như sau: “*Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản*”. Nhằm thực hiện cải cách hành chính, loại trừ các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ sản xuất ban đầu không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện.

- Sửa khoản 6 Điều 28, như sau: “*6. Thời gian kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản là 12 tháng. Trường hợp cơ sở đã được tổ chức đánh giá, cấp giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn, thời gian kiểm tra duy trì điều kiện là 24 tháng.*” thành “*6. Thời gian kiểm tra duy trì điều kiện cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản là 12 tháng. Trường hợp cơ sở đã được tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp giấy chứng nhận hệ thống phù hợp tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, thời gian kiểm tra duy trì điều kiện là 24 tháng.*” để quy định rõ hơn, phù hợp với pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn.

- Sửa khoản 3 Điều 29 như sau: “*3. Lấy mẫu kiểm tra chất lượng thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản thực hiện theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định về lấy mẫu, thực hiện lấy mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên. Người lấy mẫu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hành hoá phải được Tổng cục Thủy sản tập huấn nghiệp vụ lấy mẫu.*” Sửa đổi nội dung này nhằm thể hiện rõ phạm vi và khẳng định chỉ lấy mẫu để kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hành hoá mới yêu cầu được tập huấn theo quy định.

- Sửa điểm b khoản 2 Điều 30 theo hướng quy định rõ nội dung Giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam để tổ chức, cá nhân biết rõ và áp dụng công khai, minh bạch như: “*b) Giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam (đối với trường hợp nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm) có đầy đủ nội dung: thời gian tổ chức, thông tin sản phẩm (tên sản phẩm, thành phần chính, công dụng, hướng dẫn sử dụng, bảo quản), số lượng, khối lượng, phương án xử lý sản phẩm khi kết thúc hội chợ, triển lãm và trách nhiệm của các bên liên quan.*”

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 30 theo hướng quy định cụ thể hơn về trường hợp nhập khẩu thủy sản sống dùng làm thức ăn thủy sản để tổ chức, cá nhân thực hiện.

- Sửa đổi khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 36 theo hướng đơn giản hóa, cụ thể và thực tế các hồ sơ tổ chức, cá nhân có để triển khai được thủ tục hành chính này.

- Sửa đổi điểm c khoản 2 và bổ sung khoản 6 vào Điều 37 theo hướng đầy đủ các trường hợp phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường nuôi trồng thủy

sản hoặc Đề án bảo vệ môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường và Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường 2020.

- Bổ sung thành phần hồ sơ là “c) *Quyết định giao khu vực biển hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu vực biển hoặc hợp đồng thuê khu vực biển để nuôi trồng thủy sản*”. Khoản 1 Điều 37, bổ sung khoản 6 vào Điều 37 và Điều 38 về việc quy định về cấp phép nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp phép nuôi trồng thủy sản và giao khu vực biển, nay họ chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác để nuôi trồng thủy sản để phù hợp với thực tế phát sinh; trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản cần phải thực hiện thủ tục gì đáp ứng quy định của Luật Thủy sản. Đồng thời, sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển thành “b) *Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp nuôi trồng thủy sản trên biển.*” vì tại Điều 37 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đang quy định theo hướng cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển trước, sau đó mới thực hiện giao khu vực biển theo Nghị định số 11/2021/NĐ-CP, dẫn đến trường hợp có giấy phép nuôi trồng thủy sản nhưng khi thực hiện Nghị định số 11/2021/NĐ-CP thì không được giao khu vực biển vì không đáp ứng quy định của ngành tài nguyên. Mặt khác, khi cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP thì chưa biết rõ vị trí, ranh giới của địa điểm nuôi trồng thủy sản như thế nào nên cấp phép không có cơ sở, khó quản lý, trái ngược với việc thực hiện trên đất liền (*có giấy giao đất rồi mới xin giấy phép xây dựng, xây dựng cơ sở, đăng ký đối tượng nuôi chủ lực,...*), khi thay đổi chủ sở hữu khu vực biển thì thực hiện trước, sau đó mới đổi giấy phép nuôi trồng thủy sản (không thống nhất).

Bên cạnh đó, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP chưa quy định đối với trường hợp thay đổi thông tin trong Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển khi tổ chức, cá nhân thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản. Theo đó, mặc dù đã thay đổi chủ sở hữu khu vực biển nhưng giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển vẫn tên chủ cũ, điều này đã gây khó khăn trong quá trình kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm nếu phát hiện vi phạm trong hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

d) Nội dung liên quan đến khai thác thủy sản

- Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 42 theo hướng bỏ cụm từ “*đặc quyền kinh tế của vùng*” để phù hợp với thực tế khai thác thủy sản trên biển (Vùng khơi được giới hạn bởi tuyến lộng và ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế của vùng biển Việt Nam).

- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 43 theo hướng bỏ “nghe câu” (Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động tại vùng khơi, không được hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lòng *trừ tàu cá khai thác cá cơm, moi (ruốc) theo mùa vụ*”.

- Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào Điều 43 quy định rõ về việc chuyển đổi hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản giữa các nghề trong tổng số hạn ngạch giấy phép và quy định theo hướng chuyển đổi hạn ngạch khi chuyển, bán tàu cá giữ các tỉnh (bảo đảm không tăng tổng số hạn ngạch trong cả nước).

- Sửa đổi Điều 44 theo hướng quy định rõ trách nhiệm của Trung ương và địa phương trong việc quản lý, sử dụng hệ thống giám sát tàu cá; quy định rõ trách nhiệm của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát lắp đặt trên tàu cá; quy định rõ yêu cầu và quản lý việc lắp đặt đối với thiết bị giám sát tàu cá và quy định yêu cầu đối với việc lắp thiết bị chống va, đâm khi hoạt động trên biển để tránh tình trạng nhiễu loạn thông tin, gây khó khăn trong việc quản lý. Đề xuất sửa đổi quy định về quản lý hệ thống giám sát hành trình như sau:

“4. Quản lý hệ thống giám sát tàu cá:

a) *Tổng cục Thủy sản xây dựng, duy trì và quản lý thống nhất hệ thống giám sát tàu cá; tổ chức trực ban, theo dõi, giám sát hành trình thu nhận được từ hệ thống giám sát tàu cá; thông báo bằng một trong các hình thức như: điện thoại, thư điện tử, fax các thông tin, dữ liệu tàu cá mất tín hiệu giám sát hành trình trên biển, tàu cá vượt ranh giới được phép khai thác thủy sản trên biển đến đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin giám sát tàu cá của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Kiểm ngư, Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng để tổ chức kiểm tra, kiểm soát, xử lý, tổng hợp, báo cáo theo quy định và quy chế phối hợp giữa các đơn vị.*

b) *Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Kiểm ngư, Bộ tư lệnh Cảnh sát biển, Bộ tư lệnh Bộ đội Biên phòng có trách nhiệm cử đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin dữ liệu hệ thống giám sát hành trình tàu cá, gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan trực vận hành dữ liệu giám sát tàu cá trung ương) để tổng hợp.*

c) *Tổ chức quản lý tàu cá tại các cảng cá do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định và công bố và các cơ quan chức năng khác được phép khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát tàu cá từ hệ thống giám sát tàu cá khi được Tổng cục Thủy sản phân quyền.*

d) *Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình có trách nhiệm cập nhật, quản lý thông tin về tàu, chủ tàu, mã thiết bị giám sát tàu cá, mã kẹp chì và tự động truyền về trung tâm dữ liệu giám sát hành trình trung ương, xử lý sự cố tín hiệu thiết bị giám sát tàu cá do đơn vị mình cung cấp; kẹp chì cố định thiết bị trên tàu khi lắp đặt mới hoặc sau khi sửa chữa; Báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng, năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá trước khi*

cung cấp thiết bị phải báo cáo về Tổng cục Thủy sản để tổng hợp, thông báo công khai; khi lắp đặt thiết bị trên tàu cá phải lắp ở vị trí cố định, có bảng hướng dẫn sử dụng (trên bảng có các thông tin tối thiểu: số điện thoại hỗ trợ 24 giờ/24 giờ, địa chỉ liên hệ của đơn vị cung cấp thiết bị giám sát hành trình tàu cá) ”.

- Sửa đổi điểm c khoản 1, khoản 4, điểm b và bổ sung điểm c vào khoản 5 Điều 45 theo hướng quy định đủ văn bằng, chứng chỉ theo các chức danh của thuyền viên thực tế trên tàu. Quy định rõ thời hạn của giấy phép khai thác thủy sản cấp lần đầu.

- Bổ sung Điều 45a. Giám sát viên trên tàu cá Việt Nam hoạt động trong vùng biển Việt Nam, quy định này nhằm tạo khung pháp lý để duy trì và thúc đẩy việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Hoa Kỳ, cụ thể:

+ Ngày 01 tháng 01 năm 2017, Hoa Kỳ chính thức áp dụng quy định nhập khẩu thủy sản liên quan tới Luật Bảo vệ thú biển (MMPA), áp dụng cho tất cả các nước đang xuất khẩu sản phẩm hải sản vào Hoa Kỳ. Để tạo điều kiện cho các quốc gia có thời gian hành động, ban hành và thực thi các kế hoạch, chiến lược và biện pháp nhằm đạt được các tiêu chí mà Luật Bảo vệ thú biển đề ra, Hoa Kỳ áp dụng miễn trừ 01 lần 05 năm duy nhất cho tất cả các nước. Sau thời hạn đó, các nước xuất khẩu hải sản vào Hoa Kỳ phải cung cấp thông tin chứng minh rằng có các chương trình, kế hoạch có tính hiệu quả tương đương với các chương trình, kế hoạch của Hoa Kỳ về việc hạn chế tác động của nghề cá lên thú biển.

+ Luật Bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ bao gồm các quy định về nhập khẩu các sản phẩm thủy sản vào Hoa Kỳ phải quản lý, kiểm soát việc đánh bắt ngẫu nhiên (không chủ ý) các loài thú biển. Để được phép xuất khẩu hàng thủy sản vào Hoa Kỳ, các quốc gia phải đáp ứng các điều kiện như:

Điều kiện quy định chung: (i) Hệ thống pháp luật phải có các quy định: cố ý gây thương tích, sát hại thú biển là bất hợp pháp hoặc có quy trình chứng nhận sản phẩm hải sản được khai thác không gây tổn hại đến thú biển; (ii) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình quốc gia về các quy tắc, quy định, quản lý việc cố ý gây thương tích, sát hại thú biển trong khai thác thủy sản. Chương trình này phải có hiệu quả tương đương với chương trình quốc gia của Hoa Kỳ; (iv) Phải chứng minh được đã ngăn cấm việc cố ý sát hại hoặc làm bị thương nghiêm trọng các loài thú biển trong quá trình khai thác thủy sản hoặc có quy trình đáng tin cậy xác nhận sản phẩm hải sản xuất khẩu vào Hoa Kỳ không phải là sản phẩm có nguồn gốc từ việc cố ý giết hoặc làm bị thương nghiêm trọng các loài thú biển.

Điều kiện quy định tương đương: (i) Chương trình đánh giá nguồn lợi thường niên đối với thú biển: hằng năm đối với nhóm loài suy giảm đặc biệt nghiêm trọng và 03 năm đối với nhóm suy giảm nghiêm trọng; (ii) Hệ thống phân loại các nghề khai thác thủy sản dựa trên mức độ gây tử vong hoặc thương

tích đôi với thú biển; (iii) Quy định về việc phải báo cáo trường hợp bắt gặp thú biển trong quá trình khai thác thủy sản; (iv) Quy định về triển khai chương trình giám sát khai thác đối với các nghề cá thuộc nhóm nghề khai thác tác động lớn đến thú biển; (v) Kế hoạch giảm thiểu đánh bắt không chủ ý đối với thú biển; (vi) Chương trình bảo tồn cá heo đối với nghề lưới vây; (viii) Quy định về việc phát triển, áp dụng các thiết bị xua đuổi cá heo; (ix) Chương trình cứu hộ thú biển (quy trình cứu hộ, mạng lưới tiếp nhận thông tin cứu hộ, trung tâm cứu hộ,...); (x) Quy định về việc sản phẩm cá ngừ phải có nhãn sinh thái “an toàn đối với cá heo” (Dolphin Safe).

Tuy nhiên, quy định hiện tại của Việt Nam có liên quan đến thú biển và nghề cá của Việt Nam còn nhiều điểm chưa tương đương như: chưa có chương trình điều tra, đánh giá thường niên đối với nguồn lợi thú biển; chưa có cơ sở khoa học để phân loại các nghề khai thác ảnh hưởng nghiêm trọng đến thú biển; chưa có quy định về khai thác không chủ ý đối với thú biển....

Trong trường hợp không được đánh giá hoặc kết quả đánh giá không tương đương với các quy định, chương trình quản lý thú biển của Hoa Kỳ, thương mại thủy sản với Hoa Kỳ sẽ bị tác động, ảnh hưởng như:

(i) Cấm xuất khẩu sản phẩm thủy sản có nguồn gốc khai thác từ các nghề cá có ảnh hưởng đến thú biển (tỷ lệ đánh bắt không chủ ý trên 10%) sang Hoa Kỳ cho đến khi nước xuất khẩu chứng minh được các nỗ lực về pháp lý, quản lý và thực thi quy định nhằm giảm thiểu tác động đánh bắt không chủ ý trong các nghề khai thác thủy sản có liên quan;

(ii) Hàng năm kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ đạt gần 2 tỷ USD với các sản phẩm chủ lực như: cá ngừ, mực, bạch tuộc.... Nếu Hoa Kỳ ban hành lệnh cấm xuất khẩu thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ thì hậu quả sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các doanh nghiệp trong nước, nghề khai thác hải sản và người lao động. Mặt khác, Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam hiện nay, việc cấm xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào Hoa Kỳ sẽ có ảnh hưởng lớn đến uy tín của thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới và trong cộng đồng quốc tế;

(iii) Việc thực hiện các quy định tương đương với Luật Bảo vệ thú biển của Hoa Kỳ có nhiều điểm tương đồng nhưng cũng có điểm khác biệt so với quy định về IUU của Ủy ban Châu Âu (EC): lệnh cấm xuất khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ ngay lập tức được áp dụng đối với nghề cá của quốc gia được đánh giá là chưa tương đương. Điều này khác với cảnh báo “thẻ vàng” của EC và có thời gian khắc phục và báo cáo tiến độ thực hiện. Thời hạn cấm xuất khẩu thủy sản vào Hoa Kỳ phụ thuộc hoàn toàn vào kết quả đánh giá của Cơ quan quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia của Hoa Kỳ (NOAA) căn cứ thông tin, dữ liệu, bằng chứng khoa học và thực tiễn của quốc gia bị cấm xuất khẩu cung cấp theo yêu cầu của NOAA (thời gian đánh giá thông thường là 04 năm/lần).

- Sửa đổi Điều 46 theo hướng bám sát nội dung Luật giao, chỉ hướng dẫn nội dung ở Luật chưa rõ và quy định rõ cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận “4. *Thuyền viên và người làm việc trên tàu cá phải có Giấy chứng nhận đã qua lớp bồi dưỡng quản lý nghề cá tại vùng biển quốc tế do Tổng cục Thủy sản cấp đối với trường hợp cấp giấy phép đi khai thác tại vùng biển do Tổ chức quản lý nghề cá khu vực quản lý*”.

- Bổ sung Điều 54a quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá. Quy định nhằm cụ thể hóa nội dung về điều kiện của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuyền viên tàu cá được quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

- Bổ sung khoản 4 Điều 57 để quy định trường hợp mua, bán tàu giữa các tỉnh: “4. *Trường hợp cấp văn bản chấp thuận mua tàu cá từ tỉnh này sang tỉnh khác phải có văn bản đồng ý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của tỉnh có tàu bán và gửi báo cáo Tổng cục Thủy sản để tổng hợp, điều chuyển hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản giữa hai tỉnh.*”

- Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 60 về độ sâu luồng vào cảng cá nhằm phù hợp với thực tế, thuận tiện áp dụng (nội dung tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP không khả thi).

- Sửa đổi khoản 1 Điều 61 theo hướng đơn giản hóa 02 thành phần hồ sơ, sửa 02 thành phần hồ sơ để đơn giản hóa thủ tục hành chính công bố cảng cá: trên cơ sở đó đã bỏ Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; và bỏ Văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy. Các nội dung này được thực hiện theo pháp luật về môi trường và pháp luật phòng cháy chữa cháy.

- Bổ sung khoản 5, khoản 6 và khoản 7 vào Điều 61 để quy định về cảng cá chỉ định cho tàu cá hoạt động từ vùng khơi trở ra cập cảng, Cảng cá đủ điều kiện xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác; Cảng cá chỉ định cho tàu cá nước ngoài cập cảng.

đ) Nội dung khác

- Sửa đổi khoản 1 Điều 62 quy định rõ tên Trạm Kiểm ngư và tên Trung tâm Thông tin Kiểm ngư; và nội dung “*Trạm Kiểm ngư có trụ sở, con dấu riêng để giao dịch hành chính*”.

- Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 63 trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ tại văn bản số 5578/BNV-TL ngày 08/11/2021 về chế độ, chính sách đối với lực lượng Kiểm ngư.

- Sửa đổi Điều 66 để quy định đầy đủ các hoạt động “*Thu gom, mua, bán, lưu giữ, sơ chế, chế biến, vận chuyển thủy sản hoặc sản phẩm thủy sản thuộc danh mục loài thủy sản nguy cấp quý hiếm*”.

- Điều 70 sửa đổi quy định về thời gian kiểm tra thông tin trước tàu cập cảng bốc dỡ hàng và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc thực hiện quy định của Hiệp định về biện pháp quốc gia có cảng; sửa Mẫu số 19.KT thành Mẫu số 18.KT (lỗi dẫn chiếu), sửa đổi một số nội dung để dễ áp dụng, rõ trách nhiệm.

- Bổ sung điểm i, k vào khoản 1 Điều 71 theo hướng bổ sung trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bổ sung khoản 14, 15 và khoản 16 vào Điều 73 theo hướng quy định chuyển tiếp đối với các cơ sở:

“14. Cơ sở nuôi cá tra đã được cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện ao nuôi cá tra theo quy định (áp dụng đối với cơ sở nuôi cá tra không có sự thay đổi so với nội dung đã được cấp) trước ngày Nghị định này có hiệu lực không phải thực hiện thủ tục đăng ký đối tượng nuôi chủ lực cho đến khi thực hiện cấp lại hoặc cấp mới.

15. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nuôi trồng thủy sản trên biển trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện cấp phép theo quy định tại Nghị định này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

16. Các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, chứng chỉ, văn bản chấp thuận trong lĩnh vực thủy sản đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được sử dụng cho đến khi hết thời hạn”.

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản:

- Bổ sung, bãi bỏ, thay thế một số cụm từ tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019: Bãi bỏ khoản 3, 4, 5, 6 và khoản 7 Điều 63, khoản 3 Điều 65 trên cơ sở đó bãi bỏ Nghị định số 12/2020/NĐ-CP (căn cứ trên cơ sở ý kiến của Bộ Nội vụ tại văn bản số 5578/BNV-TL ngày 08/11/2021 về chế độ, chính sách đối với lực lượng Kiểm ngư).

- Sửa đổi, thay thế một số biểu mẫu, phụ lục tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 theo hướng đơn giản hóa các trường thông tin để thuận lợi trong áp dụng.

Điều 3. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển thành như sau: *“b) Bản sao văn bản cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp nuôi trồng thủy sản trên biển;”.*

Hiện nay theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 gặp nhiều bất cập, không thống nhất trong quản lý, áp dụng, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân:

- Cấp phép nuôi trồng thủy sản trước khi có khu vực biển, không có cơ sở, không rõ khu vực nuôi, khu vực đó đã có cơ sở nào đang nuôi hay chưa (ngược với nuôi trồng thủy sản trên đất: có đất rồi mới đăng ký nuôi đối tượng thủy sản chủ lực, cấp giấy phép sau).

- Doanh nghiệp A làm thủ tục cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển, sau đó mới làm thủ tục giao khu vực biển; nay doanh nghiệp A bán cho doanh nghiệp B; thì doanh nghiệp B phải đi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng khu vực biển trước sau đó mới làm thủ tục cấp phép nuôi trồng thủy sản (không thống nhất).

Do đó, để thống nhất giữa hệ thống pháp luật, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản, dự thảo đang sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 theo hướng sẽ cấp phép nuôi trồng thủy sản sau khi được giao khu vực biển (*không yêu cầu nộp Giấy phép nuôi trồng thủy sản khi giao khu vực biển*), tạo điều kiện, thông thoáng trong thực hiện thủ tục hành chính, theo đúng tinh thần cải cách hành chính.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2022.
2. Bãi bỏ Nghị định số 12/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về việc ngưng hiệu lực thi hành Điều 63, điểm c khoản 1 Điều 64, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 65 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO VỀ NGUỒN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH; VIỆC LÔNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Nguồn nhân lực, tài chính thực hiện Nghị định

Các quy định được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định cơ bản được kế thừa các quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, do đó về cơ bản khi Nghị định được thông qua vẫn sử dụng nguồn nhân lực hiện hành tại các cơ quan Trung ương và địa phương (*Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan trực thuộc Sở*).

Hiện nay, tại các cơ quan có thẩm quyền thực hiện chức năng thanh tra, cơ quan được giao nhiệm vụ thanh tra trong hoạt động thủy sản, các cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, kiểm lâm, kiểm ngư, hải quan, quản lý thị

trường... đã có tổ chức, nhân sự chuyên thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động trong lĩnh vực thủy sản; các lực lượng này được đào tạo, hướng dẫn, có năng lực chuyên môn và được trang bị các trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động thanh, kiểm tra trong lĩnh vực thủy sản. Đặc biệt, hiện nay Chính phủ đang và sẽ tiếp tục quan tâm đầu tư nguồn lực để thi hành pháp luật về thủy sản, trong đó tập trung để thực thi các quy định để chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Do vậy, cơ bản đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện Nghị định sau khi được ban hành.

Ngoài ra, việc thực hiện các quy định này cũng nhằm thúc đẩy quá trình gỡ cảnh báo “Thẻ Vàng” của Ủy ban Châu Âu đối với sản phẩm thủy sản có nguồn gốc từ khai thác của Việt Nam; thúc đẩy hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Hoa kỳ nói riêng các các nước trên thế giới nói chung. Chính vì vậy, với nguồn lực sẵn có hiện đang thực hiện và tiếp tục được quan tâm bố trí từ Trung ương xuống địa phương đã bảo đảm điều kiện cho việc thi hành Nghị định khi được ban hành.

2. Lồng ghép bình đẳng giới

Trong quá trình tổ chức, thực hiện xây dựng Dự thảo Nghị định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu lồng ghép bình đẳng giới theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Bình đẳng giới và các quy định có liên quan tại Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới; Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 15/7/2009 của Chính phủ về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới và Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Một là, bảo đảm sự tham gia của đại diện cơ quan có liên quan, sự tham gia của cán bộ nữ giới trong thành phần Ban soạn thảo, Tổ biên tập và trong quá trình xây dựng, tham vấn, lấy ý kiến để hoàn thiện Dự thảo Nghị định.

Hai là, quan tâm đến các vấn đề giới trong các nội dung quy định, đề xuất các quy định thiết thực nhằm bảo đảm, tăng cường sự tham gia chủ động của mỗi giới trong dự thảo Nghị định.

Ba là, bảo đảm các vấn đề bình đẳng giới trong quá trình đánh giá tác động chính sách; các nội dung đánh giá tác động chính sách đều quan tâm đến nội dung về giới.

Theo đó, việc xây dựng các nội dung quy định tại Dự thảo Nghị định này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do các quy định chung, không phân biệt giới.

Trong dự thảo Nghị định không có quy định làm phát sinh sự bất bình đẳng giới giữa nam và nữ; giữa tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động thủy sản.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; (2) Bản so sánh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo so với Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; (3) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; (4) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (5) Báo cáo về rà soát văn bản các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định; (6) Báo cáo tổng kết 03 thi hành Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; (7) Bản đánh giá tác động thủ tục hành chính; (8) Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phùng Đức Tiến